BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Thông báo số 1120/TB-ĐHLN-KHCN ngày 04/6/2019 của Hiệu trưởng)

Bản chưa chính thức

Stt	Họ tên	Ngạch/ Chức danh	Bộ môn/ Trung tâm	Đơn vị	Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư…			ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD			Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD			Đề tài cấp Cơ sở			Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành			SHTT khoa học cấp Khoa/Viện		SHTT khoa học cấp Bộ môn	Hoạt động Khoa học sinh viên			Bài báo/tạp chí								Kỷ yếu Hội nghị khoa học		Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,…		Bài giảng lý thuyết			Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập			Dịch tài liệu		Hợp đồng KH&CN			Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế	Trình bày tại Hội thảo KH trong nước	Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới	Xây dựng bộ thi trắc nghiệm	Tài liệu biên dịch	Bằng độc quyền sáng chế	Giải pháp hữu ích	Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật	Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên	Số giờ Khoa học	Cộng giờ	Bớt giờ	Tổng giờ NCKH	Ghi chú
																										Đăng trên tạp chí quốc tế		Đăng trên tạp chí trong nước																																	
																												Tiếng Anh		Tiếng Việt																													
					Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	BCV	Chủ trì HT	Thư ký	BCV	CTV	BCV	Chuyên đề NCKH sinh viên	Nhóm SV dự thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robocon..	Nhóm SV dự thi khởi nghiệp	Thuộc hệ thống ISI, Scopus SCI, SCIE có chỉ số IF≥1,0	Thuộc hệ thống ISI, Scopus, SCI, SCIE, có chỉ số IF < 1,0	Điểm ≥0,75	Điểm <0,75	Điểm ≥0,75	Điểm <0,75	Thông tin KH&CN	Quốc tế	Trong nước	Xuất bản tiếng Anh	Xuất bản tiếng Việt	Hệ cao đẳng	Hệ đại học	Sau đại học	Hệ cao đẳng	Hệ đại học	Sau đại học	Dưới 50 trang	trên 50 trang	Giá trị HĐ< 50 triệu	Giá trị HĐ từ 50-100 triệu	Giá trị HĐ> 100 triệu																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
1	Trần Văn Chứ	GS		Ban Giám hiệu	1			1																				0,5						2		0,25																					670			670	
2	Phạm Văn Chương	GS		Ban Giám hiệu				1															0,5							0,75	0,2																										270			270	
3	Bùi Thế Đồi	PGS		Ban Giám hiệu			1	1															0,5											1																							265	25		290	
4	Trần Quang Bảo	PGS		Ban Giám hiệu				1																				0,5		1,17																											367			367	
5	Cao Quốc An	PGS		Phòng TCCB																										0,5				2		0,25																					270			270	
6	Kiều Trí Đức	GV		Phòng TCCB																																																					0			0	
7	Nguyễn Minh Ngọc	CVC		Phòng TCCB			1																																																	25	35		60	
8	Phạm Minh Toại	PGS		Phòng Đào tạo		1				1																								1																							180	40		220	
9	Lê Ngọc Hoàn	CVC		Phòng Đào tạo						1																								1																							80	60		140	
10	Hồ Văn Hóa	GV		Phòng Đào tạo																			1,5																																		90			90	
11	Nguyễn Trung Kiên	GV		Phòng Đào tạo																																																				0			0	
12	Đồng Thanh Hải	PGS		Phòng ĐTSĐH		1		2																				0,33		0,25																											491	25		516	
13	Vũ Tiến Thịnh	PGS		Phòng ĐTSĐH	1																																																			200			200	
14	Nguyễn Hữu Cương	GVC		Phòng KT&ĐBCL																1											0,14																									55,5			55,5	
15	Trịnh Hiền Mai	GVC		Phòng KT&ĐBCL			1			1																		1,5		3,01	0,2																										661	115		776	
16	Phạm Thạch	GV		Phòng KT&ĐBCL																																																				0			0	
17	Nguyễn Sỹ Hà	GV		Phòng CT&CTSV																																																				0			0	
18	Vũ Huy Đại	PGS		Phòng KH&CN				2		1																								1																							380			380	
19	Trần Thị Trang	NCV		Phòng KH&CN					3																																															180			180	
20	Hoàng Thị Tuyết	CVC		Phòng KH&CN						1																																														20			20	
21	Đặng Tuấn Anh	CV		Phòng KH&CN						1																																														20			20	
22	Hoàng Văn Sâm	PGS		Phòng HTQT																						0,2	0,25			0,25				1																							207,5			207,5	
23	Lê Xuân Phương	PGS		Phòng HTQT						1																								0,5																							50	10		60	
24	Trần Thị Thu Hà	PGS		Phòng HTQT						1													1																																		80	20		100	
25	Hoàng Thị Tươi	KS		Phòng HTQT			1								1																																									40			40	
26	Đào Duy Phương	KTV		Phòng TC-KT																														1																							60			60	
27	Bùi Thị Sen	GV		Phòng TC-KT																																		1																			50			50	
28	Phạm Thị Tuyết Mai	GV		Phòng TC-KT																																																				0			0	
29	Doãn Văn Hạnh	GVC		Phòng Thanh tra																	2																																			20			20	
30	Lại Hợp Phương	KS HDTH		Phòng Thanh tra																																																				0			0	
31	Nguyễn Tất Thắng	KS HDTH		Thư viện																																																				0			0	
32	Nguyễn Minh Hùng	CVC		Ban Tạp chí và Website																								0,5		0,33				1																							193			193	
33	Bùi Mạnh Hưng	GV		Ban Tạp chí và Website						1				1														0,84		2,59																		0										567	10		577	
34	Trần Ngọc Thể	CVC		Thư viện				1																										1																							210			210	
35	Phùng Văn Khoa	PGS	QLMT	Khoa QLTNR&MT				2															0,5							0,09				1																							399			399	
36	Trần Ngọc Hải	PGS	TVR	Khoa QLTNR&MT																										0,25																											25			25	
37	Lê Bảo Thanh	PGS	BVTVR	Khoa QLTNR&MT												1														0,75																											90			90	
38	Nguyễn Thế Nhã	GS	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																										0,13																											12,5			12,5	
39	Nguyễn Đắc Mạnh	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT		1	1																																									0										140	75		215	
40	Lưu Quang Vinh	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT	1									1						1			2				1,54	1,09																					0										1088	25		1113	
41	Nguyễn Hải Hà	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT																1										0,5																											95			95	
42	Giang Trọng Toàn	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	
43	Tạ Tuyết Nga	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	
44	Trần Văn Dũng	GV	ĐTR	Khoa QLTNR&MT																			1																																		60			60	
45	Phạm Thanh Hà	GV	TVR	Khoa QLTNR&MT						1																																														20	10		30	
46	Phạm Thành Trang	GV	TVR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	Học NN
47	Phùng Thị Tuyến	GV	TVR	Khoa QLTNR&MT																			1					0,25		0,7																											180			180	
48	Tạ Thị Nữ Hoàng	GV	TVR	Khoa QLTNR&MT																								0,5																												100			100	
49	Nguyễn Minh Quang	TG	TVR	Khoa QLTNR&MT						1																		0,5																												120	10		130	
50	Trần Tuấn Kha	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																																																			0			0	
51	Nguyễn Thành Tuấn	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																					1					0,13																										52,5			52,5	
52	Bùi Trung Hiếu	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	Học NN
53	Bùi Văn Bắc	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	
54	Nguyễn Thị Mai Lương	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT																																																				0			0	Học thạc sĩ từ 2016-10/2018
55	Hoàng Thị Hằng	GV	BVTVR	Khoa QLTNR&MT						1				1																0,75																											195	10		205	
56	Bùi Xuân Dũng	PGS	QLMT	Khoa QLTNR&MT						1				1		1							4,5							0,33			0,99																							537	80		617	
57	Ngô Duy Bách	GV	QLMT	Khoa QLTNR&MT						2						1												1																				0										265	11		276	

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được dưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---

Stt	Họ tên	Ngạch/ Chức danh	Bộ môn/ Trung tâm	Đơn vị	Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư…			ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD			Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD			Đề tài cấp Cơ sở			Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành			SHTT khoa học cấp Khoa/Viện		SHTT khoa học cấp Bộ môn	Hoạt động Khoa học sinh viên			Bài báo/tạp chí							Kỳ yếu Hội nghị khoa học		Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,…		Bài giảng lý thuyết			Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập			Dịch tài liệu		Hợp đồng KH&CN			Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế	Trình bày tại Hội thảo KH trong nước	Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới	Xây dựng bộ thi trắc nghiệm	Tài liệu biên dịch	Bằng độc quyền sáng chế	Giải pháp hữu ích	Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật	Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên	Số giờ Khoa học	Cộng giờ	Bớt giờ	Tổng giờ NCKH	Ghi chú
																										Đăng trên tạp chí quốc tế		Đăng trên tạp chí trong nước																																		
																												Tiếng Anh		Tiếng Việt																														
					Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	BCV	Chủ trì HT	Thư ký	BCV	CTV	BCV	Chuyên đề NCKH sinh viên	Nhóm SV dự thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robocon..	Nhóm SV dự thi khởi nghiệp	Thuộc hệ thống ISI, Scopus SCI, SCIE có chỉ số IF≥1,0	Thuộc hệ thống ISI, Scopus, SCI, SCIE, có chỉ số IF < 1,0	Điểm ≥0,75	Điểm <0,75	Điểm ≥0,75	Điểm <0,75	Thông tin KH&CN	Quốc tế	Trong nước	Xuất bản tiếng Anh	Xuất bản tiếng Việt	Hệ cao đẳng	Hệ đại học	Sau đại học	Hệ cao đẳng	Hệ đại học	Sau đại học	Dưới 50 trang	trên 50 trang	Giá trị HĐ< 50 triệu	Giá trị HĐ từ 50-100 triệu	Giá trị HĐ> 100 triệu																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
176	Nguyễn Thị Vân Hòa	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT												1				1											0,53							2																			**174,75**			**174,75**	
177	Phạm Quang Khoái	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT										1						1								0,2										1																			**210**			**210**	
178	Đỗ Thúy Hằng	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																		2																			**145**			**145**	
179	Đặng Thị Hải Hà	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																																																				**0**			**0**	
180	Nguyễn Thị Thu	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT											1					1																		1																			**110**			**110**	
181	Vũ Ngọc Triu	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																																					**45**			**45**	
182	Đặng Thị Ngọc Ánh	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																		1																			**70**			**70**	
183	Nguyễn Lý Vinh Hạnh	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																																					**45**			**45**	
184	Lê Thị Huệ	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																																					**45**			**45**	Nghỉ thai sản từ 10/01-09/7/2019
185	Vũ Thị Khuyên	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																		1																			**70**			**70**	
186	Lương Thế Thắng	GV	Toán học	Khoa CĐ&CT																1																		1																			**70**			**70**	Học Tiến sĩ từ 2016-2020
187	Hoàng Hà	KS HDTH	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																											0,84																									**63**			**63**	
188	Nguyễn Văn Tựu	GV	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																																																				**0**			**0**	
189	Trần Đình Tuyển	GV	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																																																				**0**			**0**	
190	Trần Nho Thọ	KS HDTH	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																2																																					**90**			**90**	
191	Nguyễn Văn Quân	KS HDTH	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																2																																					**90**			**90**	
192	Phạm Quốc Trí	KS HDTH	TTTNTH	Khoa CĐ&CT																																																				**0**			**0**	
193	Nguyễn Thị Huyền Trang	CV	Vp khoa	Khoa CĐ&CT																										0,25																									**25**			**25**	
194	Bùi Thị Minh Nguyệt	GVC	QTDN	Khoa KT&QTKD				1								1															1,17			1,5																						**342,75**			**342,75**	
195	Lê Đình Hải	GVC	TTCTXH&PTCĐ	Khoa KT&QTKD																							0,25						1	1	1																					**722,5**			**722,5**	
196	Nguyễn Văn Hợp	GVC	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																			**0**			**0**	
197	Nguyễn Văn Tuấn	PGS	QTDN	Khoa KT&QTKD																																																			**0**			**0**	
198	Võ Mai Anh	GVC	Luật	Khoa KT&QTKD												1																																							**15**			**15**	Học tiến sĩ từ 2015-2018
199	Nguyễn Thị Tiến	GV	Luật	Khoa KT&QTKD										1																	1							1																			**225**			**225**	Học tiến sĩ từ 2014-2018
200	Nguyễn Thị Ngọc Bích	GV	Luật	Khoa KT&QTKD												1																						1																			**65**			**65**	Học tiến sĩ từ 2016-2019
201	Nguyễn Thu Trang	GV	Luật	Khoa KT&QTKD											1																							1																			**65**			**65**	
202	Nguyễn Tiến Thao	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																														0,5																						**30**			**30**	
203	Trịnh Quang Thoại	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																								0,25										3																			**200**			**200**	
204	Ngô Thị Thủy	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD											1																																								**15**			**15**	Học tiến sĩ từ 2016-2020
205	Nghiêm Thị Hồng Nhung	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																			**0**			**0**	
206	Mai Quyên	GVC	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																			**0**			**0**	Học tiến sĩ từ 2016-2020
207	Trần Thị Tuyết	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																													0,5																						**50**			**50**	Học tiến sĩ từ 2016-2020
208	Hoàng Thị Dung	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																										0									**15**			**15**	
209	Chu Thị Thu	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD						1				1																																								**120**	10		**130**	Học tiến sĩ từ 2016-2020
210	Vũ Thị Thuý Hằng	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học tiến sĩ từ 2016-2020
211	Nguyễn Thị Hải Ninh	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD										1									1,5							0,5																									**240**			**240**	
212	Vũ Thị Minh Ngọc	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD												1													0,5																										**90**			**90**	
213	Đặng Thị Hoa	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD												1																						2																	**90**			**90**	Nghỉ thai sản từ 20/7/2018-19/01/2019
214	Chu Thị Hồng Phượng	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD												1																						2																	**90**			**90**	
215	Nguyễn Thị Thùy	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD												1							1,5								0,5																									**142,5**			**142,5**	
216	Lê Thị Xuân Thu	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
217	Trần Thị Minh Nguyệt	GV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
218	Nguyễn Như Bằng	CV	Kinh tế	Khoa KT&QTKD												1															1,34																									**115,5**			**115,5**	
219	Bùi Quang Hưng	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	
220	Nguyễn Thị Thảo	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	
221	Phạm Thị Minh Thương	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
222	Hồ Thị Xuân Hồng	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	
223	Phạm Công Ngọc	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	
224	Chu Lê Vân	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	
225	Nguyễn Thị Thiện Trang	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
226	Đặng Thị Chuyên	GV	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Nghỉ thai sản từ 25/11/2018-24/5/2019
227	Tưởng Thị Dáng	TG	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học thạc sĩ từ 2016-8/2018
228	Hoàng Bích Ngọc	TG	Ngoại ngữ	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học thạc sĩ từ 2017-2019
229	Nguyễn Thị Xuân Hương	GVC	QTDN	Khoa KT&QTKD																			1								0,33							1																	**134,75**			**134,75**	
230	Vũ Văn Thịnh	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD						1																																				0									**40**	20		**60**	
231	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD																											1,17																									**87,75**			**87,75**	Học tiến sĩ từ 2014-2018
232	Trần Thanh Liêm	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
233	Dương Thị Thanh Mai	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD																																																		**0**			**0**	Học NN
234	Nguyễn Thị Phượng	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD																																										0									**15**			**15**	
235	Hoàng Thị Kim Oanh	GV	QTDN	Khoa KT&QTKD						1															1													1																	**110**			**110**	

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | Kỳ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---

| Stt | Họ tên | Ngạch/ Chức danh | Bộ môn/ Trung tâm | Đơn vị | Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Dự án sản xuất thử cấp NN, nhiệm vụ nghị định thư… | | | ĐT/DA cấp Bộ, ĐT nhánh cấp NN, cấp Tỉnh/thành phố, Dự án Quốc tế KP≥10.000USD | | | Đề tài NCKH Quốc tế KP<10.000USD | | | Đề tài cấp Cơ sở | | | Hội thảo khoa học Ngành/Liên ngành | | | SHTT khoa học cấp Khoa/Viện | | SHTT khoa học cấp Bộ môn | Hoạt động Khoa học sinh viên | | | Bài báo/tạp chí | | | | | | | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học | | Viết giáo trình; Chuyên khảo; Tham khảo,… | | Bài giảng lý thuyết | | | Bài giảng thí nghiệm, thực hành, thực tập | | | Dịch tài liệu | | Hợp đồng KH&CN | | | Trình bày tại Hội thảo KH quốc tế | Trình bày tại Hội thảo KH trong nước | Xây dựng chương trình đào tạo cho môn mới, ngành mới | Xây dựng bộ thi trắc nghiệm | Tài liệu biên dịch | Bằng độc quyền sáng chế | Giải pháp hữu ích | Các sản phẩm khoa học được đưa thành quy định áp dụng, tiến bộ kỹ thuật | Hướng dẫn nhóm SV thi đấu thể dục, thể thao, văn nghệ cấp thành phố trở lên | Số giờ Khoa học | Cộng giờ | Bớt giờ | Tổng giờ NCKH | Ghi chú |
|---|---|---